

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CBTS XNK MINH CƯỜNG**
2. Địa chỉ : **Ấp 3, Xã Tắc Vân, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau**
3. Loại mẫu : **Nước thải**
4. Số lượng : **01 mẫu**
5. Ngày nhận mẫu : **22/3/2025**
6. Ngày trả kết quả : **31/3/2025**
7. Kết quả thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
01	pH	-	8,64	TCVN 6492:2011
02	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	15,6	TCVN 6625:2000
03	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	7,3	TCVN 6001-1:2021
04	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	22,4	SMEWW 5220C:2023
05	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=1)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023
06	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	1,65	TCVN 6202:2008
07	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	7,3	TCVN 6638:2000
08	Clo dư	mg/L	< 0,03	HDCV/ĐN-H08
09	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL=1)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliforms	MPN/100mL	270	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- 25.1670.NT.01: Nước thải tại vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP CBTS XNK Minh Cường (ký hiệu mẫu theo phiếu yêu cầu của khách hàng: NT-01 - MC)
- "MDL": Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích; "KPH": Không phát hiện
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Kết quả thử nghiệm của mẫu trên được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 292
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG QT&PT

Nguyễn Hồng Việt



Lê Quốc Hiến